

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-4-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Tám;**

2. Ông **Võ Văn Bảy.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Nga.**

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Nhật A**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Ấp P, xã H, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Lê Trường G**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt; Anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Nhật A:**

Sau một thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 vào ngày 08/4/2019.

Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 09/5/2018. Đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Chị đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh G vẫn không thay đổi tính tình nên chị và anh G đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nhật A yêu cầu ly hôn với anh Lê Trường G.

- Về con chung: Khi ly hôn, chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và anh G cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Trường G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.**

*** Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau:**

- Nguyên đơn chị Nguyễn Nhật A: Giữ nguyên toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có sửa đổi, bổ sung gì khác.

- Bị đơn anh Lê Trường G:

- + Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án;

- + Đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp về chứng cứ vắng mặt anh G và vụ án không tiến hành hòa giải được.

- + Anh G không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ tại phiên họp chứng cứ.

*** Tại phiên toà:**

- Chị A giữ nguyên các yêu cầu khác, chỉ thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị A yêu cầu anh G cấp dưỡng với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử cũng như là trình tự, thủ tục tại phiên toà. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về vi phạm thủ tục tố tụng.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự thể hiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nhật A và anh Lê Trường G có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và không thể hàn gắn được nên xét thấy cần cho chị A ly hôn với anh G;

+ Về con chung: Cháu Lê Nguyễn Thiên N hiện đang sống với chị A và hiện cháu vẫn phát triển bình thường nên cần tiếp tục giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh G không có ý kiến gì về tài sản chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Tòa án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Nguyễn Nhật A và anh Lê Trường G có đăng ký kết hôn. Chị A yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh G nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Trường G cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Trường G: Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nhật A yêu cầu ly hôn với anh Lê Trường G.

[3.1] Chị Nguyễn Nhật A và anh Lê Trường G tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng khi đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 vào ngày 08/4/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Chị A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị A đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn và tìm cách hàn gắn nhưng anh G vẫn không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[3.4] Từ các vấn đề nêu trên có thể nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh G là có tồn tại nhưng anh G không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm giữa anh G và chị A không còn, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị A yêu cầu được ly hôn với anh G là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Nhật A và anh Lê Trường G có với nhau 01 con chung tên Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 09/5/2018. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và anh G cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

[4.1] Anh G vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị A.

[4.2] Từ khi ly thân chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và hiện cháu N vẫn đang phát triển lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, việc giao cháu N cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là cần thiết và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Vì giao con cho chị A nuôi dưỡng nên anh G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị A yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị A thay đổi mức cấp dưỡng, chỉ yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng của chị A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị A trình bày anh G không có công việc làm ổn định, thu nhập ở mức thấp. Căn cứ vào lời trình bày của chị A về nghề nghiệp và mức thu nhập của anh G thì mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị A là phù hợp theo quy định tại các Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi về mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Chị Nguyễn Nhật A trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, anh Lê Trường G không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với tài sản chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5.2] Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nhật A.

[8] Về án phí:

[8.1] Do được chấp nhận yêu cầu, nên chị Nguyễn Nhật A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật;

[8.2] Anh Lê Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Nhật A được ly hôn với anh Lê Trường G.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Lê Nguyễn Thiên N, sinh ngày 09/5/2018 cho chị Nguyễn Nhật A trực tiếp nuôi dưỡng;

- Anh Lê Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Nguyễn Thiên N thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Nhật A cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Trường G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Anh Lê Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Nhật A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng; nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002093 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên chị A đã nộp xong án phí;

- Anh Lê Trường G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Nhật A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã T, thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Phong Hiếu